

Số: 02/2018/QĐST-KDTM

A, ngày 02 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2017/TLST- KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Địa chỉ: Số 32, Lý Thường K, phường Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Kiên T1, sinh năm 1987; chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (theo Văn bản ủy quyền số 204-3/GUQ-TPB.BDH ngày 30 tháng 8 năm 2017).

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1972; đều có địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 26 tháng 12 năm 2017, ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T2 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền: 528.966.348 đồng (Trong đó nợ gốc là 338.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.450.000 đồng, lãi quá hạn là 93.516.348 đồng).

- Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền: 528.966.348

đồng (Trong đó nợ gốc là 338.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 97.450.000 đồng, lãi quá hạn là 93.516.348 đồng).

Kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2017, ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 05-12.13/HĐTD-TPB.HPG cho đến khi ông N, bà T2 trả hết toàn bộ khoản nợ.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Nếu ông N, bà T2 không trả hoặc không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 163m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 07A, tờ bản đồ 21 tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng đứng tên ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T2 là chủ sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 280635, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HB.00068 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 7 năm 2012 để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông N, bà T2, nếu thiếu ông N, bà T2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 12.579.326 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chia kỷ phần ông N và bà T2 mỗi người phải chịu 6.289.663 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 11.509.094 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 7439 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân thành phố HP;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA DS huyện A;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Trương Minh Huế